

Lồng ghép giới - qua một số tài liệu nghiên cứu tại Việt Nam

Đỗ Văn Quân

Viện Xã hội học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Lời Tòa soạn: Thuật ngữ Lồng ghép giới được dùng khá phổ biến trong nghiên cứu khoa học và thực hiện các dự án can thiệp ở Việt Nam trong những năm gần đây. Tuy nhiên, lồng ghép giới không chỉ là một khái niệm mà còn là một cách tiếp cận đòi hỏi tiếp tục được nghiên cứu và vận dụng sáng tạo. Tòa soạn xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc bài viết tổng quan tài liệu tiếng Việt, bao gồm các công trình khoa học, và các văn bản đánh giá, tổng kết việc thực hiện các chính sách, pháp luật... liên quan đến lồng ghép giới được công bố tại Việt Nam trong thời gian qua.

Từ khóa: Giới; Lồng ghép giới; Bình đẳng giới.

1. Đặt vấn đề

Theo Ủy ban kinh tế - xã hội của Liên hợp quốc năm 1997, Lồng ghép giới là một chiến lược quan trọng để đạt được sự bình đẳng giới cũng như đối với sự phát triển xã hội bền vững. Lồng ghép giới là quá trình đánh giá những tác động đối với phụ nữ và nam giới của bất kỳ quá trình hoạch định chính sách nào, bao gồm cả pháp luật, chính sách hay chương trình trong tất cả các lĩnh vực và tất cả các cấp độ. Đó là một chiến lược để đưa những mối quan tâm và kinh nghiệm của phụ nữ và nam giới thành những bộ phận không thể tách rời các công tác thiết kế, thực hiện, kiểm tra và đánh giá các chính sách và chương trình ở mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã

hội với mục đích là phụ nữ cũng như nam giới được thụ hưởng một cách bình đẳng. Từ năm 1996 đến nay Liên hợp quốc đã triển khai chiến lược lồng ghép giới trên phạm vi toàn cầu. Trải qua hơn 2 thập kỷ, nhiều cách tiếp cận lồng ghép giới đã được phát triển và thực hiện ở nhiều quốc gia.

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng Đảng và Nhà nước ta đã sớm quan tâm và có những cam kết mạnh mẽ đối với vấn đề thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Đặc biệt, kể từ khi thông qua Khuôn khổ hội nhập phụ nữ trong APEC (Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, tháng 11 năm 1998), Việt Nam đã tích cực thể hiện cam kết của mình, đưa vấn đề “Lồng ghép giới” trở thành chiến lược chủ đạo cho những nhà hoạt động vì sự phát triển nhằm thúc đẩy bình đẳng giới. Để cụ thể hoá cam kết quốc tế, Việt Nam đã sớm và tích cực triển khai chiến lược lồng ghép giới trong thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước. Luật Bình đẳng giới (2006) đã dành khá nhiều khoản, điều quy định vấn đề lồng ghép giới trong thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Trong Chiến lược quốc gia Vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam (năm 2006- 2010) cũng đã đề xuất những giải pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu bình đẳng giới... Cho đến nay, một số công trình khoa học, bài viết nghiên cứu, đánh giá, tổng kết và điều chỉnh quá trình hiện thực hoá các văn bản chính sách, pháp luật... liên quan đến lồng ghép giới đã ít nhiều được công bố tại Việt Nam. Tuy nhiên để có cái nhìn hệ thống - logic với tinh thần phê phán khoa học rất cần phải thực hiện tổng quan các tài liệu liên quan đến lồng ghép giới. Bài viết này nhằm phân nào đáp ứng yêu cầu nêu trên.

2. Thực tiễn nghiên cứu lồng ghép giới qua một số tài liệu tại Việt Nam

Mặc dù chưa cập nhật đầy đủ, tuy nhiên theo tác giả có thể tổng quan một số tài liệu, công trình nghiên cứu, tổng kết về lồng ghép giới được sắp xếp theo các hình thức sau.

Những vấn đề lý luận, phương pháp lồng ghép giới nói chung

Trước hết cần phải kể đến cuốn sách: *Kế hoạch hoá về giới và phát triển - Lý thuyết, thực hành và huấn luyện* của tác giả Caroline (1996). Công trình đề cập đến vấn đề kế hoạch hoá giới như là một truyền thống kế hoạch hoá theo quy định của pháp luật. Trong đó, vấn đề bản chất của kế hoạch hoá giới là giải phóng phụ nữ khỏi vị thế yếu kém và phục tùng và đạt đến công bằng, bình đẳng và có quyền được đề cập khá chi tiết. Tác giả cũng nhận định rằng quá trình kế hoạch hoá giới sẽ rất khác nhau trong những bối cảnh khác nhau. Mặc dù là một cuốn sách có tính chất “kinh điển” về vấn đề lồng ghép giới, tuy nhiên, vì thời gian xuất bản của cuốn

sách đã khá lâu cho nên một số vấn đề không còn phù hợp với yêu cầu lồng ghép giới hiện nay.

Một tài liệu của UBQG Vì sự tiến bộ Phụ nữ Việt Nam (2001) có tựa đề *Thúc đẩy sự thay đổi: Cơ sở cho việc lồng ghép giới*. Công trình nghiên cứu đã đưa ra các bằng chứng cho rằng việc thực hiện lồng ghép giới là một chiến lược cần thiết để nâng cao tác động của chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới. Đồng thời nó đã hệ thống hoá các khái niệm liên quan, đề xuất các bộ máy quốc gia về phụ nữ có thể tư vấn cho chính phủ. Bên cạnh đó, công trình này đưa ra một số công cụ và bằng chứng thực tiễn lồng ghép giới. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu này chưa có những phân tích cần thiết về thực tiễn lồng ghép giới của thế giới, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm và đề xuất khả thi cho vấn đề lồng ghép giới của Việt Nam.

Cùng hướng tiếp cận vừa nêu có *Hướng dẫn lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách và Giáo trình dành cho giảng viên về LGG* của Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ Phụ nữ Việt Nam (2004). Bộ tài liệu Hướng dẫn Lồng ghép giới và Giáo trình giảng viên được xây dựng trong khuôn khổ dự án “Giới trong Chính sách Công” (VIE/01-015) nhằm đưa các vấn đề giới vào chính sách và hoạch định chính sách quốc gia sao cho các chương trình của Chính phủ sẽ đáp ứng nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội và làm giảm dần tình trạng bất bình đẳng giữa nam và nữ. Bên cạnh việc giải thích các thuật ngữ có liên quan, tài liệu đã trình bày một cách cụ thể về quy trình, nội dung và các biện pháp khi thực hiện lồng ghép giới. Tuy vậy, nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở những kỹ năng cơ bản trong lồng ghép giới hơn là một công trình nghiên cứu về thực tiễn lồng ghép giới.

Gần đây, một bài viết về lồng ghép giới đề cập đến vai trò của chính phủ là của tác giả nước ngoài, (Kyoko Kusakabe -Vũ Phương Ly dịch, 2007), *Về lồng ghép giới tại các cơ quan nhà nước của Campuchia, Lào và Thái Lan*. Qua bài viết, tác giả khẳng định tại ba nước, Campuchia, Lào và Thái Lan, các chính sách lồng ghép giới đã được thực hiện ở cấp độ quốc gia. Tuy nhiên, việc không thực thi chính sách này ở cấp thấp hơn đã thực sự trở thành một vấn đề cần đặc biệt quan tâm và cũng là thách thức đặt ra trong việc thực hiện các chính sách về lồng ghép giới. Tác giả chỉ ra rằng việc các chính sách giới không được thực thi là do thiếu những cam kết chính trị đối với việc lồng ghép giới ở các cấp khác nhau. Bên cạnh đó vấn đề thiếu kinh phí, thiếu các quy định cụ thể, đặc biệt là bản thân khái niệm lồng ghép giới vốn khó hiểu và lại được hiểu bởi nhiều cách khác nhau, do vậy làm nảy sinh nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện. Đây có thể là bài học kinh nghiệm quý đối với Việt Nam trong việc điều chỉnh quá trình thực hiện lồng ghép giới trong thời gian sắp tới.

Lồng ghép giới - Những vấn đề lý luận gắn với bối cảnh thực tiễn Việt Nam

Giới và lồng ghép giới vào các chương trình và dự án ở Việt Nam là bài viết của tác giả Trịnh Tiến Dũng (1999). Có thể đây là một bài viết bàn về vấn đề lồng ghép giới được đăng tải khá sớm ở Việt Nam. Từ thực tiễn chứng minh tính hiệu quả của việc thực hiện lồng ghép giới, tác giả cho rằng cần thiết phải tăng cường lồng ghép giới vào các chương trình, chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Tuy nhiên, vì là một bài viết về lồng ghép giới được đề cập trong khuôn khổ tạp chí và khá sớm ở Việt Nam do vậy nội dung của bài chủ yếu dừng lại ở khía cạnh giới thiệu vấn đề hơn là giải quyết vấn đề và nhiều quan điểm không còn phù hợp với bối cảnh thực tiễn lồng ghép giới hiện nay.

Đi vào cụ thể trong một lĩnh vực là công trình nghiên cứu *Tiến tới lập ngân sách cho vấn đề giới ở Việt nam* của Melanie Beresford. Nội dung trọng tâm của cuốn sách là tiếp cận giới ở khía cạnh tài chính, ngân sách. Theo lập luận của tác giả thì phần lớn các chính sách liên quan đến kinh tế thường xuyên tác động đến nam giới và phụ nữ một cách khác biệt. Tuy nhiên, các cơ quan liên quan đến việc lập ngân sách như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính... thường thiếu năng lực tiến hành những phân tích có tính nhạy cảm về giới trong phân bổ ngân sách đầu tư. Trong khi đó, các cơ quan như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ Phụ nữ đã đưa rất nhiều vấn đề giới vào dòng chủ đạo, tuy nhiên trong thực tế lại không có thẩm quyền phân bổ, phê duyệt ngân sách... Điểm thành công của cuốn sách này chính là đã chỉ ra sự cần thiết phải thực hiện phối hợp đa ngành trong thực hiện lồng ghép giới liên quan đến vấn đề ngân sách, tài chính. Tuy nhiên, công trình khoa học này chỉ mới dừng lại ở việc đề cập riêng biệt đến vấn đề lồng ghép giới liên quan đến phân bổ ngân sách mà chưa đặt ra vấn đề rộng lớn hơn trong bối cảnh Việt Nam.

Cùng tuyến đi sâu phân tích lồng ghép giới ở khía cạnh kinh tế là công trình nghiên cứu: *Nâng cao năng lực phát triển bền vững: Bình đẳng giới và giảm nghèo* của tác giả Nguyễn Thị Hiền và Lê Ngọc Hùng (2004). Điều đặc biệt cần phải khẳng định ở đây chính là cuốn sách thể hiện tư tưởng chủ đạo rất rõ ràng của các tác giả là hướng đến mục tiêu phát triển bền vững về bình đẳng giới và giảm nghèo. Theo các tác giả, để phát triển bền vững về giới và giảm nghèo cần phải thực hiện đồng bộ hàng loạt vấn đề theo trình tự: nhu cầu giáo dục - triết lý, chiến lược - cơ sở kinh tế-xã hội - năng lực giới - năng lực thể chế - năng lực dự án - năng lực tổ chức. Có thể nói, cuốn sách đã phân tích khá kỹ mối liên hệ giữa bình đẳng giới và giảm nghèo theo hướng bình đẳng về cơ hội và giảm nghèo ở phương diện lý thuyết và thực tiễn. Tuy nhiên, công trình này chưa có điều kiện trình bày

một cách đầy đủ những vấn đề/lĩnh vực chủ yếu đã, đang và cần phải được thực hiện thông qua lồng ghép giới ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Một trong tư liệu đóng vai trò khá phổ biến trong thực hiện lồng ghép giới ở Việt Nam hiện nay là cuốn *Hướng dẫn lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách: Hướng tới bình đẳng giới ở Việt Nam thông qua chu trình chính sách quốc gia có trách nhiệm* (2004). Mục đích của tài liệu là hướng dẫn về lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách, giúp cho cán bộ ở các ngành, các cấp nắm được vai trò và trách nhiệm của mình; hình thành các kỹ năng cần thiết để góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới ở Việt Nam thông qua công việc hàng ngày. Tài liệu này đã thể hiện được các vấn đề liên quan đến lồng ghép giới một cách đơn giản, dễ hiểu và phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Nhiều bài học kinh nghiệm của Việt Nam cũng như quốc tế về bình đẳng giới có thể góp phần cải thiện chất lượng và thành công của Việt Nam trong việc hướng tới một xã hội công bằng cho phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái. Văn bản này trước hết dành cho các cán bộ, công chức cơ quan nhà nước, thành viên Ủy ban quốc gia và các Ban Vì sự tiến bộ Phụ nữ. Mặc dù vấn đề lồng ghép giới được đề cập khá đầy đủ, tuy nhiên tài liệu này có ý nghĩa là tài liệu phổ biến kiến thức hơn là một công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu về lồng ghép giới.

Nghiên cứu Ngân hàng Thế giới, Liên Hợp quốc tại Việt Nam (2005), *Chuẩn bị cho tương lai: Các chiến lược ưu tiên nhằm thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam*, đã phần nào làm rõ thêm những vấn đề về các lĩnh vực cần phải thực hiện lồng ghép giới. Tài liệu này tập trung xác định và luận giải các lĩnh vực cần ưu tiên thực hiện nhằm thúc đẩy bình đẳng giới dựa trên đặc thù của Việt Nam, như: giới trong hoạt động sản xuất, giới trong lĩnh vực sức khỏe sinh sản, bạo lực gia đình và ra quyết định công... Mặc dù không đề cập thành một chuyên mục riêng vấn đề lồng ghép giới, tuy nhiên cách phân tích của nghiên cứu này rất đề cao việc thực hiện lồng ghép giới.

Nghiên cứu của UBQG Vì sự tiến bộ Phụ nữ Việt Nam (2005), *Tập huấn về lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách*, tập trung vào kiến thức về giới và lồng ghép giới, giới thiệu tổng quan chu trình chính sách có trách nhiệm giới, các điều kiện quan trọng để lồng ghép giới thành công, những thuận lợi và thách thức trong hoạt động lồng ghép giới ở Việt Nam. Đặc biệt, tài liệu đã đi sâu phân tích những khó khăn gặp phải khi áp dụng lồng ghép giới vào hoạch định, thực thi chính sách kinh tế-xã hội ở địa phương, nhất là khi các cấp lãnh đạo chưa nhận thức đầy đủ vấn đề bình đẳng giới, đồng thời cũng chia sẻ những kinh nghiệm bước đầu trong lĩnh vực này. Mặc dù đã gợi mở rất nhiều điều bổ ích cho quá trình tổng kết, bổ sung để xây dựng mô hình hoạt động lồng ghép giới, tuy nhiên các bằng

chứng đưa ra trong nghiên cứu chưa rõ ràng và có tính hệ thống.

Tiếp tục chủ đề này, Viện Tư vấn phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi (CISDOMA, 2008), *Lồng ghép giới trong phát triển nông nghiệp nông thôn* đã mô tả thực trạng bất bình đẳng giới trong khu vực nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam, đồng thời đưa ra luận chứng về việc cần thiết phải thực hiện lồng ghép giới trong khu vực này. Các tác giả đã chỉ ra những lĩnh vực/nội dung cần phải thực hiện lồng ghép giới: cơ cấu lãnh đạo quản lý; xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn; gia đình và cộng đồng. Tuy vậy, đây chưa phải là một nghiên cứu có khả năng khái quát và phân tích toàn bộ quá trình thực hiện lồng ghép giới của Việt Nam.

Các nghiên cứu của Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội (2009) đã tập trung vào một lĩnh vực khác, đó là *Kỹ năng lồng ghép giới trong hoạt động lập pháp của đại biểu Quốc hội*. Nội dung của tài liệu này đã trình bày khá đầy đủ các bước lồng ghép giới và kỹ năng thực hiện có thể tham khảo trong các giai đoạn khác nhau của hoạt động lập pháp. Tuy nhiên, việc khai thác thông tin lồng ghép giới ở khía cạnh thực tiễn trong tài liệu này chưa được đề cập nhiều.

Tác giả Lê Ngọc Hùng, với bài viết *Lồng ghép giới trong nghiên cứu gia đình - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* (2005), cho rằng trong bối cảnh hiện nay, xu thế chủ đạo giới đang diễn ra mạnh mẽ trong các chương trình và hành động phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cho nên lĩnh vực nghiên cứu về gia đình cũng cần phải xác định lồng ghép giới như là một xu hướng chủ đạo. Bài viết chủ yếu chỉ đề cập phân tích lồng ghép giới mang tính khoa học thuần túy khi nghiên cứu về gia đình, mặc dù có đặt vấn đề trong mối quan hệ với xu hướng chủ đạo giới.

Tiếp tục triển khai theo khuynh hướng này, Lê Ngọc Hùng có bài viết *Phân tích và lồng ghép giới trong giáo dục* (2006). Qua đó tác giả đã tập trung phân tích giới tính nhằm nhận thức rõ hơn về tình trạng bất bình đẳng trong giáo dục. Việc áp dụng phân tích giới trong giáo dục có thể cung cấp thông tin cần thiết làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách, chương trình hành động vì công bằng và bình đẳng trong giáo dục. Theo tác giả, cần phải tăng cường phân tích và lồng ghép giới đối với luật pháp và chính sách giáo dục, đối với thể chế và thiết chế giáo dục và mối quan hệ giữa giáo dục với các hệ thống xã hội. Tuy nhiên, bài viết cũng chưa phân tích vấn đề lồng ghép giới trong giáo dục trong mối quan hệ tổng thể với các lĩnh vực khác

Lồng ghép giới theo các lĩnh vực/ngành cụ thể ở Việt Nam

Có thể nói trong những năm gần đây khuynh hướng nghiên cứu của các đề tài khoa học có quan tâm đến lồng ghép giới đã được triển khai tương

đổi rõ nét ở Việt Nam. Điều này có thể kể đến công trình nghiên cứu *Báo cáo phân tích tình hình giới tại Bến Tre và Phú Thọ* (Quỹ Dân số LHQ..., 2007). Nghiên cứu này tập trung phân tích sự khác biệt giới trong phân công lao động, tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực, sự tham gia vào các hoạt động cộng đồng và quá trình ra quyết định. Đặc biệt, nghiên cứu đã chỉ ra được các bằng chứng khẳng định sự thuận lợi và khó khăn đối với các nhà lập chính sách, quản lý trong việc lồng ghép giới vào các lĩnh vực, nhất là vấn đề DS/SKSS. Tuy nhiên, lồng ghép giới trong công trình nghiên cứu này chỉ chiếm một tỷ lệ khiêm tốn và chú trọng phân tích vấn đề lồng ghép giới ở khía cạnh DS/SKSS.

Nghiên cứu của Nguyễn Đình Tấn và Lê Tiêu La (2007), *Năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở trong việc thực hiện quyền phụ nữ*, là nghiên cứu trên diện khảo sát rộng (14 tỉnh thành trong cả nước). Nghiên cứu đã đưa ra các bằng chứng về khả năng thực hiện vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở thông qua các cấp độ: nhận thức, thái độ và thực hiện chỉ đạo lãnh đạo, quản lý quá trình thực hiện mục tiêu bình đẳng giới của đất nước, trong đó có vấn đề vai trò thực hiện lồng ghép giới trong lĩnh vực tham chính ở cấp cơ sở. Tuy nhiên, vấn đề lồng ghép giới chưa được quan tâm và xác lập như là một chủ đề quan trọng của nghiên cứu.

Được đánh giá là một công trình nghiên cứu giới mang tính tổng kết lý luận và thực tiễn, *Những vấn đề lý luận cơ bản về giới và kinh nghiệm giải quyết vấn đề giới ở một số nước trên thế giới* do tác giả Ngô Thị Tuấn Dung chủ nhiệm (2008) đã khái quát, hệ thống một số vấn đề nghiên cứu lý luận cơ bản về giới, trong đó có vấn đề lồng ghép giới. Bên cạnh đó, nghiên cứu chỉ ra các kinh nghiệm giải quyết vấn đề giới, nhất là vấn đề lồng ghép giới của một số tổ chức quốc tế và quốc gia trên thế giới và thông qua đó, đề xuất những ưu tiên nghiên cứu lý luận và thực tiễn về giới, trong đó có vấn đề lồng ghép giới của Việt Nam ở giai đoạn sắp tới. Đây là một công trình nghiên cứu đề cập khá toàn diện vấn đề về giới ở phương diện lý luận và thực tiễn, bối cảnh Việt Nam và một số tổ chức quốc tế và quốc gia, tuy nhiên việc xác định chiến lược lồng ghép giới của Việt Nam trong những năm sắp tới chưa được nghiên cứu làm rõ.

Lồng ghép giới theo chu trình dự án cụ thể

Đi sâu vào vấn đề lồng ghép giới trong một lĩnh vực cụ thể là hai tác giả Astrid Tripodi và Tạ Ngọc Sính (2004) với công trình *Phân tích giới tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*. Nghiên cứu đã tập trung phân tích và làm rõ những nhu cầu, điều kiện và khả năng thực hiện lồng ghép giới trong thực hiện mục tiêu cải cách hành chính ở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Cùng hướng phân tích lồng ghép giới

trong lĩnh vực nông nghiệp, tuy nhiên Trung tâm Bảo tồn Sinh vật biển và Phát triển Cộng đồng (2005) đã tập trung vào hướng nghiên cứu *Lồng ghép giới trong quản lý nguồn lợi ven biển ở Việt Nam, Dự án nghiên cứu lồng ghép giới trong quản lý nguồn lợi tại Khu bảo tồn biển Rạn Trào, Khánh Hoà*. Kết quả cho thấy dự án đã góp phần đưa vấn đề giới vào chương trình phát triển của địa phương, đặc biệt đã nâng cao sự tham gia và vai trò của phụ nữ trong các hoạt động cộng đồng. Dự án dựa trên cơ sở học tập những kinh nghiệm cộng đồng khi tiến hành các chương trình, với sự tham gia của phụ nữ làm trọng tâm theo cách tiếp cận “Giới và Phát triển” (GAD). Kết quả cho thấy dự án đã bắt đầu giải quyết các vấn đề liên quan đến nhu cầu chiến lược giới (đó là truyền thông môi trường, nâng cao năng lực và kỹ năng, phát triển sinh kế thân thiện với môi trường), bao gồm lý thuyết và thực hành phân tích về giới, có sự tương tác với cộng đồng. Lồng ghép về giới được đưa ra thảo luận và phối hợp thực hiện trong quá trình quản lý dự án, bao gồm các bước như thiết kế, thực hiện và giám sát dự án. Kinh nghiệm từ dự án được chia sẻ với cộng đồng, thông qua việc sử dụng hệ thống truyền thông như đài phát thanh địa phương. Điều gợi mở ra từ sự phân tích đánh giá quá trình lồng ghép giới ở đây chính là cần phải có sự khái quát, đặt trong mối quan hệ tổng thể với toàn bộ quá trình lồng ghép giới của cả nước.

Trong khi đó hai tác giả Hans Schaltenbrand và Phạm Văn Lương Khuyển (2007) lại tập trung ở khu vực vùng cao, qua nghiên cứu *Nông-Khuyến Lâm tại Việt Nam: 5 năm kinh nghiệm của Dự án Hỗ trợ Phổ cập và Đào tạo phục vụ Lâm nghiệp và Nông nghiệp Vùng cao, ETS , 2003-2007*. Báo cáo đã chỉ ra các thành tựu chính của dự án (ETSP) như cải thiện thu nhập theo hướng hàng hoá tiếp tục diễn ra với cả cây trồng vật nuôi ngắn hạn và dài hạn. Công trình nghiên cứu thể hiện sự sinh động và cụ thể quá trình thực hiện lồng ghép giới thông qua một dự án (thành công và hạn chế), do vậy việc tiếp tục phân tích các lĩnh vực khác nhau trong thực hiện lồng ghép giới là cần thiết.

Quan tâm đến vấn đề môi trường có bài viết *Quan hệ giới và môi trường ở Việt Nam hiện nay: một số vấn đề lý luận và thực tiễn* của tác giả Vũ Thị Cúc (2008). Trên cơ sở các nghiên cứu và dự án thực hiện lồng ghép giới với vấn đề môi trường (nhất là quản lý các nguồn lợi tài nguyên) tác giả đã đưa ra những bằng chứng thuyết phục về việc đưa giới vào giải quyết vấn đề môi trường - vấn đề cấp bách của toàn cầu hiện nay. Chẳng hạn, bài viết chỉ dẫn việc lồng ghép giới trong các hoạt động quản lý nguồn lợi tài nguyên ven biển tại Khánh Hoà dưới sự tài trợ của Liên minh sinh vật biển quốc tế (IMA). Do chỉ tập trung phân tích cụ thể một dự án thực hiện lồng ghép giới tại một địa phương cho nên bài viết chưa có điều kiện xem xét

mối quan hệ giữa phát triển bền vững với nhiều lĩnh vực khác.

3. Vấn đề đặt ra

Một là, cho đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu, tài liệu công bố đề cập đến tổng kết quá trình thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Các nghiên cứu này đã đi đến nhận định là bình đẳng giới đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, dân chủ, công bằng xã hội và hạnh phúc của mỗi cá nhân, gia đình tạo nên sự phát triển bền vững của đất nước. Các nghiên cứu cho rằng những nỗ lực trong thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng giới đã đưa Việt Nam trở thành quốc gia đạt được sự thay đổi nhanh chóng nhất trong xoá bỏ khoảng cách giới trong vòng 20 năm trở lại đây ở khu vực Đông Á (WB, CIDA, ADB, DFID, 2006). Bên cạnh những thành tựu, quá trình thực hiện bình đẳng giới của Việt Nam cũng đang gặp nhiều khó khăn. Chẳng hạn, tư tưởng trọng nam khinh nữ trong xã hội vẫn còn nặng nề; phụ nữ vẫn còn hạn chế rất nhiều về cơ hội phát triển so với nam giới; thiếu năng lực và hệ thống để hoà nhập giới trong việc lập kế hoạch và xây dựng thể chế; các dịch vụ công thiếu tính nhạy cảm giới và chưa đến được với cả nam giới và phụ nữ một cách bình đẳng (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2004).

Quá trình phát triển nền kinh tế thị trường, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ở Việt Nam đang tác động đến phụ nữ và nam giới theo những cách thức khác nhau, trong đó phụ nữ phải chịu những tác động tiêu cực, phân biệt đối xử nhiều hơn so với nam giới liên quan đến lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội, bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ, mại dâm và nạo phá thai vị thành niên... Điều này cho thấy những thành tựu mà Việt Nam đạt được trong thực hiện bình đẳng giới mới chỉ là bước đầu, còn nặng về hướng tiếp cận đấu tranh cho quyền lợi của phụ nữ hơn là tạo cơ hội bình đẳng cho hai giới để cùng phát triển, tính bền vững và ổn định trong thực hiện mục tiêu bình đẳng giới còn chưa cao. Để giải quyết được bài toán này, một trong những giải pháp đặt ra hàng đầu chính là phải tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các bộ, ngành, địa phương một cách phù hợp và thiết thực hơn. Do vậy, để bù đắp những khoảng trống trong nhận thức và hành động liên quan đến vấn đề lồng ghép giới một cách bền vững thì việc nghiên cứu và thực hiện các dự án can thiệp lồng ghép giới ở Việt Nam cần được đặc biệt quan tâm hơn trong thời gian tới.

Hai là, thực tế cho thấy ở Việt Nam trong khoảng 10 năm qua các bộ, ngành từ trung ương xuống địa phương thông qua các dự án hợp tác quốc tế, cũng như nguồn ngân sách của Chính phủ đã tích cực thực hiện Chiến lược lồng ghép giới trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của mình. Tuy

nhiên, những nghiên cứu, đánh giá, tổng kết về quá trình này phần lớn chủ yếu chỉ được thực hiện một cách riêng lẻ, độc lập giữa các dự án, bộ ngành, địa phương mà chưa có công trình nghiên cứu nào phân tích một cách hệ thống và toàn diện về chiến lược lồng ghép giới trong bối cảnh tổng thể của cả nước. Đặc biệt, phân tích làm rõ thực trạng, thành tựu và những hạn chế, chỉ ra các thách thức cũng như các cách tiếp cận lồng ghép giới ở Việt Nam, qua đó rút ra những vấn đề liên quan đến chu trình chính sách có trách nhiệm giới; điều kiện để lồng ghép giới mang tính đặc thù của từng ngành, từng địa phương; kinh nghiệm quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội có lồng ghép giới ở các cấp, ngành, địa phương khác nhau... trong thời gian vừa qua còn chưa được quan tâm làm rõ. Để giải đáp những câu hỏi này, cần có công trình khoa học nghiên cứu tổng kết, rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng mới trong hoạt động lồng ghép giới của Việt Nam.

Ba là, thúc đẩy lồng ghép giới được coi là chiến lược/biện pháp hướng tới mục tiêu bình đẳng giới và tạo quyền phụ nữ đã được phản ánh trong các cam kết chính trị và các lĩnh vực ưu tiên chiến lược như: Chương trình hành động Bắc Kinh (1995); Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (2000-2015) và nhiều thoả thuận quốc tế khác trên toàn cầu. Vấn đề đặt ra ở đây là Chiến lược lồng ghép giới của Liên Hợp quốc đã được triển khai ở các quốc gia trên thế giới và Việt Nam như thế nào? Bài học kinh nghiệm về nghiên cứu và thực hiện lồng ghép giới ở một số tổ chức và quốc gia trên thế giới sẽ giúp ích gì cho các nghiên cứu và thực hiện lồng ghép giới ở Việt Nam hiện nay? Với kinh nghiệm lồng ghép giới trên thế giới và thực tiễn bối cảnh Việt Nam hiện nay có thể xây dựng một mô hình lồng ghép giới thích hợp hơn không? Đây vẫn là những khoảng trống cần được quan tâm nghiên cứu làm sáng tỏ. ■

Tài liệu tham khảo

- Astrid Tripodi và Tạ Ngọc Sinh. 2004. *Phân tích giới tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*. Hà Nội.
- Beresford M. *Tiến tới lập ngân sách cho vấn đề giới ở Việt nam*. H.: Nxb. Phụ nữ.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2004. *Chiến lược lồng ghép giới trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn*. Hà Nội.
- Caroline. 1996. *Kế hoạch hoá về giới và phát triển-Lý thuyết, thực hành và huấn luyện*. H.: Nxb. Phụ nữ.
- Hans Schaltenbrand và Phạm Văn Lương Khuyến. 2007. *Nông-Khuyến Lâm tại Việt Nam: 5 năm kinh nghiệm của Dự án Hỗ trợ Phổ cập và Đào tạo phục vụ Lâm nghiệp và Nông nghiệp Vùng cao, ETSP, 2003-2007*. Hà Nội.
- Hoàng Bá Thịnh. 2008. *Giáo trình Xã hội học về giới*. H.: Nxb. Đại học Quốc gia.
- Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2008. *Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong việc thúc đẩy bình*

- đẳng giới ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*. Đề tài cấp Bộ 2008.
- Kyoko Kusakabe - Vũ Phương Ly dịch. 2007. “Về lồng ghép giới tại các cơ quan nhà nước của Campuchia, Lào và Thái Lan”. *Tạp chí Gia đình và Giới*, số 6.
- Lê Ngọc Hùng. 2005. “Lồng ghép giới trong nghiên cứu gia đình - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, số 4.
- Lê Ngọc Hùng. 2006. “Phân tích và lồng ghép giới trong giáo dục”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, số 4.
- Luật Bình đẳng giới. 2006.
- Ngân hàng thế giới và Liên hợp quốc tại Việt Nam. 2005. *Chuẩn bị cho tương lai: Các chiến lược ưu tiên nhằm thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam*. Hà Nội.
- Nguyễn Đình Tấn và Lê Tiêu La. 2007. *Năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở trong việc thực hiện quyền phụ nữ*. Dự án điều tra cơ bản 2005-2007, Viện Xã hội học và Tâm lý lãnh đạo quản lý, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Hà Nội.
- Nguyễn Thị Hiền và Lê Ngọc Hùng. 2004. *Nâng cao năng lực phát triển bền vững: Bình đẳng giới và giảm nghèo*. H.: Nxb. Lý luận Chính trị.
- Nguyễn Văn Đoàn. 2008. *Nhận thức và sự chỉ đạo thực hiện bình đẳng giới của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở ở miền núi phía Bắc*. Đề tài cấp Bộ 2008. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
- Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Ủy ban dân số, Gia đình và Trẻ em, Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ Phụ nữ Việt Nam. 2007. *Báo cáo phân tích tình hình giới tại Bến Tre và Phú Thọ*. Hà Nội.
- Trịnh Tiến Dũng. 1999. “Giới và lồng ghép giới vào các chương trình và dự án ở Việt Nam”. *Tạp chí Lao động và xã hội*, số 3.
- Trung tâm Bảo tồn Sinh vật biển và Phát triển Cộng đồng. 2005. *Lồng ghép giới trong quản lý nguồn lợi ven biển ở Việt Nam, Dự án nghiên cứu lồng ghép giới trong quản lý nguồn lợi tại Khu bảo tồn biển Rạn Trào, Khánh Hòa*.
- Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ Phụ nữ Việt Nam. 2005. *Tập huấn về lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách*. Hà Nội.
- Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ Phụ nữ Việt Nam. 2001. *Thúc đẩy sự thay đổi: Cơ sở cho việc lồng ghép giới*. Hà Nội.
- Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ Phụ nữ Việt Nam. 2004. *Hướng dẫn lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách*” và “*Giáo trình dành cho giảng viên về LGG*”. Hà Nội.
- Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ Phụ nữ Việt Nam. 2004. *Hướng dẫn lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách: Hướng tới bình đẳng giới ở Việt Nam thông qua chu trình chính sách quốc gia có trách nhiệm*. Hà Nội.
- Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội. 2009. *Kỹ năng lồng ghép giới trong hoạt động lập pháp của đại biểu Quốc hội*.
- Viện Gia đình và Giới - Ngô Thị Tuấn Dung chủ nhiệm (2008). *Những vấn đề lý luận cơ bản về giới và kinh nghiệm giải quyết vấn đề giới ở một số nước trên thế giới*. Đề tài Cấp Bộ năm 2007.
- Viện tư vấn phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi (CISDOMA, 12/12008). *Lồng ghép giới trong phát triển nông nghiệp nông thôn*. Hà Nội.
- Vũ Thị Cúc. 2008. “Quan hệ giới và môi trường ở Việt Nam hiện nay: một số vấn đề lý luận và thực tiễn”. *Tạp chí Gia đình và Giới*, số 4.
- WB, CIDA, ADB, DFID. 2006. *Đánh giá tình hình giới ở Việt Nam*. Hà Nội.